



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 33

Ngày 11 tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

05-5-2022	Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 quyết định số 30/2020/QĐ-UBND tỉnh ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	2
11-5-2022	Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Lắk.	27

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục quy định tại
điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền
sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15
tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15
tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây
dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 38/TTr-STC ngày 16 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Phụ lục I: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- Phụ lục II: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.

- Phụ lục III: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Cư M'gar.

- Phụ lục IV: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Cư Kuin.

- Phụ lục V: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Ea Súp.

- Phụ lục VI: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Krông Ana.

- Phụ lục VII: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện Lắk.

- Phụ lục VIII: sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất (k) trên địa bàn huyện M'Drăk.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/5/2022 đến hết ngày 31/12/2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (BỔ SUNG)			
I	Khu dân cư 3,2ha, phường Tân An:			
1	Đường Tôn Đức Thắng nối dài, QH 30m	Phạm Hùng	Đường 2-D, đường nối từ Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14	1.60
2	Đường 2-D, QH 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1.60
3	Đường N-1, QH 24m			1.60
4	Đường số 1-D, QH 16m			1.60
5	Đường số 3-N và 2-N, QH 16m			1.60
II	Khu dân cư 5,4ha, phường Tân An:			
1	Đường N4, Quy hoạch 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1.60
2	Đường N3, Quy hoạch 20m (đường vành đai cũ)			1.60
3	Đường D1, Quy hoạch 20m			1.60
4	Đường số 3, Quy hoạch 20m			1.60
5	Đường số 4, Quy hoạch 20m			1.60
6	Đường số 1, số 2, Quy hoạch 16m			1.60
III	Khu dân cư Km7, phường Tân An:			
1	Đường KV2	Đường D6	Đường 10/3	1.60
2	Đường KV3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1.60
3	Đường D1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1.60
4	Đường D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1.60
5	Đường D5	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1.60
6	Đường D6	Đường D5	Đường KV2	1.60
7	Đường N4	Đường D5	Đường KV3	1.60
8	Đường N8	Đường D1	Đường D5	1.60
9	Đường N9	Đường N8 (tại vị trí thửa số NP5-2,22)	Đường D5	1.60
10	Đường N11	Đường N12 (tại vị trí thửa số NP2-1,20)	Giao với đường N12 (tại vị trí thửa NP2-1,37)	1.60
11	Đường N12	Đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa số NP2-2,14 và NP1 - 4,17)	Giao với đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa NP2-1,1 và NP1-1,17)	1.60
12	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Đường D5	Đường KV3	1.60
IV	Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An:			
1	Đường N1	Đường Hà Huy Tập	Đường D7	1.60
2	Đường N8	Đường D1	Đường D6	1.60

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
3	Đường D1	Đường N6	Đường N8	1.60
4	Đường D6	Đường N1	Đường N8	1.60
5	Đường D7	Đường N1	Đường N9	1.60
6	Đường N9	Đường D6	Đường D7	1.60
7	Đường N2	Đường D2	Đường D4	1.60
8	Đường N3	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1.60
9	Đường N4	Đường D2	Đường D4	1.60
10	Đường N5	Đường D3	Đường D6	1.60
11	Đường N6	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1.60
12	Đường N7	Đường D2	Đường D5	1.60
13	Đường D2	Đường N1	Đường N8	1.60
14	Đường D3	Đường N4	Đường N6	1.60
15	Đường D4	Đường N1	Đường N5	1.60
16	Đường D5	Đường N6	Đường N8	1.60
V	Hai tuyến đường mới tại Phường Tân An:			
1	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1.50
2	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Minh Thảo	1.50
VI	Khu vực đầu tư xây dựng mới hoặc tuyến đường mới			
1	Đường rộng từ 20m trở lên			1.30
2	Đường rộng từ 10 đến dưới 20m			1.30
3	Đường rộng dưới 10m			1.30
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (BỔ SUNG)			
	Xã Ea Kao			
	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ ngã ba Bưu Điện đến Đập Ea Kao)			
1	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
2	Đường rộng dưới 5m			1.30

Phụ lục II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUÔN HỒ
(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/ 5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (Sửa đổi)			
I	Phường An Lạc			
1	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1.20
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1.20
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1.20
II	Phường An Bình			
2	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.20
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1.20
3	Nguyễn Chí Thanh	Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1.20

B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN (Sửa đổi)			
I	Xã Cư Bao			
1	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1.00
II	Xã Ea Sên			

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục II Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	I. Đất ở đô thị			
	1. Số thứ tự (STT) 11 Mục I, phường An Lạc:			
11	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1.00
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1.00
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1.00
	2. Số thứ tự (STT) 9 Mục II, phường An Bình:			
9	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.00
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1.00
	3. Số thứ tự (STT) 17 Mục II, phường An Bình:			
17	Nguyễn Chí Thanh	Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1.00
	II. Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 05 Mục I, xã Cư Bao:			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
5	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1.20
2. Số thứ tự (STT) 07 Mục V, xã Ea Siên:				
7	Tuyến thôn 7	Công chào thôn 7 (thửa đất số 100, TBĐ 38)	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất số 776, TBĐ 50)	1.20

Phụ lục III**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CŨM'GAR***(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)***I. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
I	Thị trấn Quảng Phú			
	Hùng Vương	Giáp tổ dân phố 8	Giáp ranh giới xã Ea K'pam	1.40
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN			
III	Xã Ea M'ngang			
1	Đường liên xã	Thôn 1A (Ngã ba đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea Mnang, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	1.00
2	Khu dân cư còn lại			1.00

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục VI Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện CưM'gar, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	I. Đất ở đô thị:			
	Số thứ tự (STT) 1 Mục I, thị trấn Quảng Phú:			
	Hùng Vương	Giáp tổ dân phố 8	Giáp ranh giới xã Ea K'pam	1.00
	II. Đất ở tại nông thôn			
	Số thứ tự (STT) 1 và 7 Mục III, xã Ea M'Nang			
III	Xã Ea M'ngang			
1	Đường liên xã	Thôn 1A (Ngã ba đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea Mnang, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	2.00
7	Khu dân cư còn lại			2.00

Phụ lục IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP, Buôn Ma Thuột)	Đường dọc kênh thủy lợi	1.20
		Đường dọc kênh thủy lợi	Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	1.20
		Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	Ngã 3 đường vào UBND xã	1.30
		Ngã 3 đường vào UBND xã	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	1.20
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	1.20
		Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	Công chào thôn 2	1.20
		Công chào thôn 2	Công đổi diện công chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	1.20
		Công đổi diện công chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	Trường tiểu học Kim Đồng	1.30
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bhang	1.20
2	Khu vực chợ Trung Hòa	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		1.10
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	1.20
		Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (công chào thôn 7)	1.20
		Kênh thủy lợi (công chào thôn 7)	Hết thôn 6	1.10
		Hết thôn 6	Ngã ba buôn Tiêu	1.10
4	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã tư Quốc lộ 27 -300m	Công chào thôn 7	1.10
5	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Công chào buôn Kram	1.20
		Công chào buôn Kram	Ngã ba đường vào bãi bán	1.20
		Ngã ba đường vào bãi bán	Ngã ba buôn Tiêu	1.20
		Ngã ba buôn Tiêu	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	1.20
		Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	Công chào thôn 11	1.20
		Công chào thôn 11	Ngã ba đường đi xã Ea Kao, TP, Buôn Ma Thuột	1.20
6	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX cũ	1.10
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	1.10
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	1.10
		Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	Cụm công nghiệp Cư Kuin (hết buôn Ciết)	1.20

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường bê tông (Giáp xã Dray Bhang)	1.20
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.10
8	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
II	Xã Ea Ktur			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP, Buôn Ma Thuột)	Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	1.20
		Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	1.20
		Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	1.30
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	Cổng chào thôn 1	1.20
		Cổng chào thôn 1	Cổng chào thôn 2	1.20
		Cổng chào thôn 2	Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	1.20
		Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhók	1.20
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Đường vào Công ty TNHH MTV cà phê Ea Sim đến hết thửa đất số 9430 bên trái và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa đất số 9636 bên phải, TBD số 40)	1.10
		Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	1.10
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15	1.10
		Cổng chào thôn 15	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	1.10
		Ngã ba buôn Plei Năm	Đến hết thửa đất 3716 bên phải và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa 3713 bên trái, TBD số 22)	1.10
		Cuối khu dân cư Plei Năm (dài khoảng 1,300m)	Giáp xã Hòa Đông	1.10
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	1.10
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.10
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4		1.10
		Thuộc các thôn: 5, 7, 8, 10		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
III	Xã Ea Bhók			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1.20
		Cổng chào thôn 8	Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đông	1.30
		Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đông	Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	1.20
		Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.20

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Giáp xã Dray Bhang	1.20
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường trục chính thôn 4	1.10
		Ngã ba đường trục chính thôn 4	Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	1.10
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Cầu giáp xã Ea Ning	1.10
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Hết buôn Bhók - thôn 2	1.10
		Hết buôn Bhók - thôn 2	Cầu trắng	1.10
3	Đường liên xã	Ngã tư Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	1.10
		Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	Ngã ba buôn Ea Khít	1.10
		Ngã ba buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	1.10
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.10
5	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường liên xã	1.10
6	Khu dân cư	Thuộc thôn 4		1.10
		Thuộc các thôn: 1, 8; buôn Ea Mta, buôn Ea Mta A và buôn Ea Kmar		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
IV	Xã Dray Bhang			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đổi diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.20
		Đổi diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	1.20
		Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	Giáp xã Hòa Hiệp	1.20
		Giáp xã Ea Bhók	Giáp chợ xã Hòa Hiệp	1.20
2	Tỉnh lộ 10	Ngã tư Quốc lộ 27	Đầu thôn Lô 13	1.30
		Đầu thôn Lô 13	Hết KDC tập trung thôn lô 13	1.30
		Hết KDC tập trung thôn lô 13	Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	1.20
		Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	Giáp huyện Krông Ana	1.20
3	Khu TT đô thị - Cơ quan hành chính huyện Cư Kuin	Các trục số 2, 3		1.20
		Các trục số 5, 6, 7; trục nội bộ (23m)		1.50
		Các trục nội bộ còn lại		1.50
4	Đường liên thôn	Đường song song Tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)		1.10
5	Đường giáp ranh xã Dray Bhang và xã Hòa Hiệp	Ngã ba Quốc lộ 27 (Hết chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1.10
6	Đường liên xã	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Hết buôn Hra Ea Ning	1.10
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 thuộc khu vực thôn Nam Hòa			1.10
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đến tiếp giáp đường Quy hoạch 36m			1.10

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đoạn từ ngã tư Quốc lộ 27 đến giáp xã Hòa Hiệp (Cả hai bên đường dọc QL 27)			1.10
8	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		1.10
		Thuộc thôn Nam Hòa và thôn Lô 13		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhang	Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1.10
		Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Thành Công	1.10
		Hết thôn Thành Công	Đến đầu đèo Giang Sơn	1.10
		Đến đầu đèo Giang Sơn	Đến cầu Giang Sơn giáp huyện Krông Bông	1.10
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	1.10
		Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1.10
3	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến 3 (thuộc thôn Kim Phát) Từ khu vực chợ Hòa Hiệp	Giáp xã Dray Bhang	Hết nhà thờ Kim Phát	1.10
		Hết nhà thờ Kim Phát	Quốc lộ 27	1.10
4	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiốt trong chợ		1.30
5	Đường tuyến 2 song song Quốc lộ 27 (Khu vực chợ Hòa Hiệp)	Từ nhà ông Hà Đức Minh (thửa đất số 3468, tờ bản đồ 22)	Giáp xã Dray Bhang	1.30
6	Đường nội thôn (thuộc thôn Mới)	Ngã ba đường liên xã Hòa Hiệp, Dray Bhang (Cách Quốc lộ 27 - 635m)	Giáp xã Dray Bhang	1.10
7	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát		1.10
		Thuộc thôn Thành Công và thôn Mới		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
VI	Xã Ea Ning			
1	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	1.20
		Từ cổng chào thôn 15	Đến hết bờ tường công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	1.10
		Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'ning	Ngã tư sân bóng	1.10
		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	1.10
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	1.10
		Ngã ba cây xăng Đức Hợi	Ngã tư sân bóng	1.10
		Ngã ba chợ Việt Đức 4	Hết ngã ba cây xăng Đức Hợi	1.10
		Hết ngã ba cây xăng Đức Hợi	Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	1.10
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	1.10
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	1.10

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	Giáp xã Ea Bhók	1.10
		Ngã ba công chào buôn Puk Prong	Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	1.10
		Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quyneh	1.10
		Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quyneh	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	1.10
2	Khu vực chợ Việt Đức 4	Các đường bên trong và giáp chợ Việt Đức 4		1.10
3	Đường liên xã	Cầu trắng	Công chào thôn 6	1.10
		Công chào thôn 6	Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	1.10
		Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Giáp xã Cư Êwi	1.10
4	Khu dân cư	Thuộc thôn 8, 15, 21 và 22		1.10
		Các thôn, buôn còn lại		1.10
VII Xã Cư Êwi				
1	Đường liên xã	Cầu chân nuôi	Giáp xã Ea Ning	1.10
2	Đường liên thôn	Từ công chào thôn 12	Công chào buôn Tách M'Ngà	1.10
3	Đường nội thôn 12 tuyến 1	Ngã tư đường liên thôn	Hết thôn 12	1.10
	Đường nội thôn 12 tuyến 2	Ngã tư đường liên thôn	Đập 45 xã Ea Ning	1.10
	Đường nội thôn 1C	Ngã ba đường liên xã	Đập Tách M'Ngà	1.10
	Đường nội thôn 1A	Ngã ba đường liên xã	Hết khu dân cư thôn 1A (hướng đi Nghĩa địa thôn 1A, 1B)	1.10
4	Khu vực còn lại			1.10
VIII Xã Ea Hu				
1	Đường liên xã	Cầu trắng	1	1.10
		Ngã ba đối diện công chào thôn 6 xã Ea Ning	1	1.10
		Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	Giáp xã Cư Êwi	1.10
		Ngã ba đường liên xã đi xã Ea Hu, Cư Êwi	Hết chợ An Bình	1.10
		Hết chợ An Bình	Công thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	1.10
		Công thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	1.10
		Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	Hết đất ông Bùi Ty (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	1.10
		Hết đất ông Bùi Ty (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	Cầu Thác đá	1.10
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhók	1.10
2	Đường liên thôn	Ngã ba đường liên xã	Công chào thôn 1	1.10
		Công chào thôn 1	Hết sân bóng thôn 1	1.10
		Công chào thôn 4	Hết sân bóng thôn 4	1.10
		Ngã 3 trường Nguyễn Tất Thành	Công chào thôn 7	1.10
		Ngã ba nhà Hùng Nho (Thửa đất 15649, tờ bản đồ số 69)	Ngã ba nhà ông Liệu (thửa đất 45 tờ bản đồ số 79)	1.10
3	Khu dân cư thôn 2			1.10

S T T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
4	Khu dân cư thôn 1 và thôn 4			1.10
5	Khu dân cư thôn 3			1.10
6	Khu vực còn lại			1.10

Phụ lục V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
I	Thị trấn Ea Súp			
1	Hùng Vương	Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	Đập tràn thủy lợi 1	1.30
		Đập tràn thủy lợi 1	Kênh Chính Đông (nhà ông Minh Mầu)	1.40
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Ea Rôk			
1	Đường liên xã	Giáp xã Ea Lê	Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	1.20
		Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	Hết nhà Ông Dạy	1.20
		Hết nhà ông Dạy	Cầu Cây Sung	1.20
		Cầu Cây Sung	Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	1.40
		Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	Cầu qua sông Ea HLeo	1.20
2	Các đường khác thuộc Trung tâm cụm xã Ea Rôk			1.20
II	Xã Cư K'Bang			
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê	Cầu xây (Trạm Y tế)	1.20
		Cầu xây (Trạm y tế)	Ngã ba thôn 4A	1.40
2	Đường Liên xã	Ranh giới đất nhà ông Cù Văn Toan	Hết ranh giới đất nhà ông Lập	1.20
		Đầu thôn 10	Cuối thôn 15 (Giáp xã Ea Rôk)	1.40
3	Đường liên thôn	Ranh giới đất nhà ông Bảo	Hết ranh giới đất nhà ông Việt	1.20
II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục VIII Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Ea Súp , kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:				
	I. Đất ở đô thị:			
	1. Số thứ tự (STT) 1 thị trấn Ea Súp			
1	Hùng Vương	Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	Đập tràn thủy lợi 1	1.20
		Đập tràn thủy lợi 1	Kênh Chính Đông (nhà ông Minh Mầu)	1.20
	II. Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 1, 2 Mục III, xã Ea Rôk:			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
1	Đường liên xã	Giáp xã Ea Lê	Ngã ba nhà ông Thah Lê	1.00
		Ngã ba nhà ông Thanh Lê	Hết nhà Ông Dạy	1.00
		Hết nhà ông Dạy	Cầu Cây Sung	1.00
		Cầu Cây Sung	Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	1.00
		Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	Cầu qua sông Ea HLeo	1.00
2	Các đường khác thuộc Trung tâm cụm xã Ea Rôk			1.00
2. Số thứ tự (STT) 1, 2,3 Mục VII, xã Cư K'Bang:				
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê	Cầu xây (Trạm Y tế)	1.00
		Cầu xây (Trạm y tế)	Ngã ba thôn 4A	1.00
2	Đường Liên xã	Ranh giới đất nhà ông Cù Văn Toan	Hết ranh giới đất nhà ông Lập	1.00
		Đầu thôn 10	Cuối thôn 15 (Giáp xã Ea Rôk)	1.00
3	Đường liên thôn	Ranh giới đất nhà ông Bảo	Hết ranh giới đất nhà ông Việt	1.00

Phụ lục VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
	Thị trấn Buôn Tráp			
1	Hùng Vương	Bà Triệu	Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	1.40
		Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	1.40
2	Nơ Trang Gưh	Bà Triệu	Mai Hắc Đế	1.40
		Mai Hắc Đế	Cao Thắng	1.40
		Cao Thắng	Y Bih Alêo	1.40
		Y Bih Alêo	Nguyễn Bình Khiêm	1.40
		Nguyễn Bình Khiêm	Bờ sông Krông Ana	1.40
3	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	Chu Văn An	1.40
		Chu Văn An	Ngã 3 đường vào xã Bình Hoà	1.40
4	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.40
5	Nguyễn Chí Thanh	Hùng Vương	Chu Văn An	1.40
6	Đường số 1, 2, 3, 4	Lê Duẩn	Đường số 11	1.50
		Đường số 5	Đường số 10	Đường số 11
		Đường số 6	Đường số 10	Đường số 11
		Đường số 7	Lê Duẩn	Đường số 11
		Đường số 8	Lê Duẩn	Đường số 11
7	Đường số 9	Nguyễn Du	Đường số 4	1.50
		Đường số 7	Ngô Quyền	1.50
8	Đường số 10, 11	Đường Nguyễn Du	Đường số 4	1.50
		Đường số 4	Đường số 5	1.50
		Đường số 5	Đường số 6	1.50
		Đường số 6	Đường số 7	1.50
		Đường số 7	Đường Ngô Quyền	1.50
9	Tinh lộ 2	Giáp xã Ea Bông	Hết nhà văn hoá Buôn Rung	1.40
		Hết nhà văn hoá Buôn Rung	Đến cổng tràn Hồ Sen	1.40
10	Đường giao thông liên xã (Tinh lộ 10A)	Tinh lộ 2	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	1.40
		Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	Hết ranh trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	1.40

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
		Hết ranh trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	Ranh giới xã Băng Adrênh	1.40
11	Đường N2	Đường số 11	Đường D4	1.50
12	Đường N3	Đường số 11	Đường D4	1.50
13	Đường N4	Đường số 11	Đường D4	1.50
17	Đường N5	Đường số 11	Đường D4	1.50
15	Đường N6	Đường số 11	Đường D4	1.50
16	Đường N7	Đường số 11	Đường D4	1.50
17	Đường D4	Đường N7	Đường N5	1.50
		Đường N5	Đường N4	1.50
		Đường N4	Đường N3	1.50
		Đường N3	Đường N2	1.50
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Dray Sáp			
1	Tinh lộ 2	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	Giáp xã Ea Na	1.20
2	Đường đi buôn Kuốp 2	Ngã ba giáp Trụ sở thôn Đray Sáp	Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	1.20
		Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	Ngã ba An Na	1.20
		Từ ngã ba thôn An Na (Nhà ông Vũ Công Hồng)	Hết ranh giới nhà ông Phạm Ngọc Đạt (đi Buôn Kuốp)	1.20
3	Đường liên xã	Ngã ba thôn An Na	Giáp xã Ea Na	1.20
4	Đường thôn Đồng Tâm	Giáp Trụ sở thôn Đray Sáp	Giáp xã Hòa Phú (Buôn Ma Thuột)	1.20
5	Khu vực chợ Đray Sáp	Cầu sắt	Đường TL2 (hướng Buôn Ma Thuột)	1.20
		Giáp Trụ sở thôn Đray Sáp	Cầu sắt đi TL2 cũ (hướng đi Buôn Trấp)	1.20
II	Xã Ea Na			
1	Tinh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Đray Sáp)	Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	1.20
		Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1.20
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1.20
		Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	Buru điện buôn Tor	1.20
		Buru điện buôn Tor	Ngã ba (Lên đồi 556)	1.20
		Ngã ba (lên đồi 556)	Cổng chào Buôn Cuăh	1.20

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
		Công chào Buôn Cuăh	Giáp xã Ea Bông	1.20
III	Xã Ea Bông			
1	Tinh lộ 2	Giáp xã Ea Na	Đến công chào thôn Hoà Tây	1.20
		Đến công chào thôn Hoà Tây	Đến công chào thôn Hoà Đông	1.20
		Đến công chào thôn Hoà Đông	Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	1.20
		Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	Ngã ba đường vào Buôn Xá	1.20
		Ngã ba đường vào Buôn Xá	Giáp thị trấn Buôn Trấp	1.20
2	Tinh lộ 10	Tinh lộ 2	Đầu buôn Riêng	1.20
IV	Xã Quảng Điền			
1	Tinh lộ 2	Giáp ranh xã Bình Hòa	Ngã 3 Cây Cóc	1.20
		Ngã 3 Cây Cóc	Hết Tinh Lộ 2	1.20
V	Xã Băng Adrênh			
1	Đường giao thông liên xã (Tinh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết chợ trung tâm cụm xã	1.20
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	1.20
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Cây Hương	Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	1.20
		Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	Giáp ranh xã Dur Kmăl	1.20
VI	Xã Dur Kmăl			
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dur Kmăl	1.20
VII	Xã Bình Hoà			
1	Tinh lộ 2	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	1.20
		Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	Ngã ba đi cầu Ea Chai	1.20
		Ngã ba đi cầu Ea Chai	Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	1.20
		Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	Giáp xã Quảng Điền	1.20
II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XV Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Krông Ana, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:				
	I. Đất ở đô thị:			
	1. Số thứ tự (STT) 3,4,7,14,15,16,48, 49, 69, 70,71,72, 73,74,75, thị trấn Buôn Trấp.			
	2. Số thứ tự (STT) 9, thị trấn Buôn Trấp:			
9	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
	3. Số thứ tự (STT) 10 (Thị trấn Buôn Trấp):			
10	Nguyễn Chí Thanh	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30

STT	Tên đường	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
II. Đất ở nông thôn:				
1. Số thứ tự (STT) 1,2,3,4,5 Mục I, xã Dray Sáp.				
2. Số thứ tự (STT) 1 Mục II, xã Ea Na:				
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Dray Sáp)	Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	1.10
		Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1.10
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1.10
		Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	Bưu điện buôn Tor	1.10
		Bưu điện buôn Tor	Ngã ba (Lên đèo 556)	1.10
		Ngã ba (lên đèo 556)	Công chào Buôn Cuăh	1.10
		Công chào Buôn Cuăh	Giáp xã Ea Bông	1.10
3. Số thứ tự (STT) 1 Mục III, xã Ea Bông.				
4. Số thứ tự (STT) 2 Mục III, xã Ea Bông:				
2	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 2	Đầu buôn Riăng	1.10
5. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV, xã Quảng Điền.				
6. Số thứ tự (STT) 1 Mục V, xã Băng Adrênh:				
1	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết chợ trung tâm cụm xã	1.10
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	1.10
7. Số thứ tự (STT) 2 Mục V, xã Băng Adrênh.				
8. Số thứ tự (STT) 1 Mục VI, xã Dur Kmăl:				
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dur Kmăl	1.10
9. Số thứ tự (STT) 1 Mục VII xã Bình Hòa.				

Phụ lục VII

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK**

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đăk Liêng	Đường đi nghĩa địa thôn Liên Kết 1	1.00
		Đường đi nghĩa địa thôn Liên Kết 1	Cầu Buôn Tría	1.00
		Cầu Buôn Tría	Giáp Buôn Triết	1.00
II	Buôn Triết			
1	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Cống bà Đắc	1.00

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XIV Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện Lắk, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

	Đất ở nông thôn			
	1. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV, Buôn Tría.			
	2. Số thứ tự (STT) 2 Mục V, Buôn Triết:			
2	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Cống bà Đắc	1.46

Phụ lục VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'ĐRẮK

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 05/ 5/2022 của UBND tỉnh)

I. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
A	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ			
	Thị trấn M'Đrắk			
1	Nguyễn Tất Thành (QL 26)	Km 63 + 700 (cầu Y Thun)	Km 64 + 700 (ngã ba đường B, Phao)	1.30
		Km 64 + 700 (ngã ba đường buôn Phao)	Km 65 + 200 (giáp ranh giới đất Trường Mầm non)	1.30
		Km 65 + 200 (giáp ranh giới Trường Mầm non)	Km 65 +500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	1.30
		Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	1.30
		Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	Km 65 + 760 (Cầu ông Tri)	1.30
		Km 65 + 760 (cầu ông Tri)	Km 66 + 300 (giáp ranh xã Krông Jing)	1.30
2	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	1.30
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	1.30
3	Hùng Vương về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.30
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.30
4	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 110 (Hội trường khối 7)	1.30
		Từ km 0 + 110 (Hội trường Khối 7)	Phan Bội Châu	1.30
5	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.30
6	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Km 0	Hết đường Phan Bội Châu	1.30
		Phan Bội Châu	Giáp đường vành đai thị trấn	1.30
		Km 0	Ngã tư hết đất nhà ông Bình	1.30
		Ngã tư hết đất nhà ông Bình	Hết đường	1.30
7	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Phan Bội Châu	1.30
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Nam thị trấn	1.30
		Đường vành đai Nam thị trấn	Hết đường	1.30
8	Lê Lợi về 2 phía	Nguyễn Tất Thành	Km 0 + 200 (hết đất nhà bà Cư)	1.30
9	Nguyễn Trãi (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	1.30
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Nam thị trấn	1.30
		Đường vành đai phía Nam thị trấn	Hết đường	1.30
10	An -D- Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
11	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.30
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	An Dương Vương	1.30
12	Giải Phóng	Đất ông Sơn (Công An) tại km 0	Phan Bội Châu	1.30
13	Trục dọc song song sau trạm điện (Trừ khu QH tổ dân phố 11 trước Trạm y tế và sau sân vận động)	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	1.30
14	Lê Duẩn	Từ đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	1.30
15	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	1.30
16	Đường trục dọc khu XN gỗ	Hoàng Diệu	Hết đường (sau Trạm Thú y)	1.30
17	Trục ngang tại khu vực XN gỗ	Từ trục dọc sau Trạm Thú y	Đến đường trước Trường Hùng Vương	1.30
18	Các đường ngang còn lại thông ra đường QL26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1.30
19	Các hẻm ngang thông ra đường QL 26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1.30
20	Bùi Thị Xuân (đi B. Phao)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu buôn Phao	1.30
		Cầu buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	1.30
21	Quang Trung	Ranh giới đất nhà ông Vịnh (khối 1)	Trần Hưng Đạo	1.30
22	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Bà Triệu	1.30
		Bà Triệu	Hết đường	1.30
23	Phan Bội Châu (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Giải Phóng	Ngô Quyền	1.30
24	Các đường dọc còn lại trong Nội thị			1.30
25	Đường ngang dưới khu chợ	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 +100 (giáp đường Trần Hưng Đạo)	1.30
26	Kí ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		1.30
		Các lô 24m2		1.30
27	Đường Tây Nam thị trấn (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Hoa	Đường Ngô Quyền	1.30
		Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trãi	1.30
		Đường Nguyễn Trãi	Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	1.30
		Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	Giáp ranh giới xã Krông Jing	1.30
28	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 6 (giáp BCH quân sự huyện)			1.30
	Đường QH tuyến số 1 (Đường vành đai)	Ngã tư Nguyễn Trãi và đường Vành đai	Giáp đất nhà ông Tráng	1.30
	Đường QH tuyến số 2 (Đường Nguyễn Trãi)	Phan Bội Châu	Đường vành đai	1.30
	Đường QH tuyến số 3 (Đường Phan Bội Châu)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Phan Bội Châu	Đường QH tuyến số 4	1.30
	Đường QH tuyến số 4	Đường Phan Bội Châu	Đường vành đai	1.30
	Đường QH tuyến số 5	Đường Nguyễn Trãi	Hết đường quy hoạch	1.30

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
29	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 9 (gần trường THCS Hùng Vương)			1.30
	Đường QH mới	Ngã ba đường Giải Phóng và đường Phan Bội Châu	Đường Vành đai	1.30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Phan Bội Châu và đường An Dương Vương	Hết đường QH	1.30
	Đường ngang thông ra đường Giải Phóng			1.30
	Đường đối diện lò mổ			1.30
	Đường dọc quy hoạch dân cư khu F			1.30
30	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11			1.30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Lý Thường Kiệt và đường Vành đai	Hết đường quy hoạch	1.30
	Đường QH mới	Ngã tư đường Ngô Quyền và đường vành đai	Hết đường quy hoạch	1.30
	Đường ngang thông ra đường vành đai			1.30
31	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11 (Trước Trạm Y tế - Sau sân vận động)			1.30
	Tuyến đường số 2 (đôi diện trạm y tế)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.30
	Tuyến đường số 3 (sau sân vận động)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.30
32	Đường Khu dân cư Tổ dân phố 3	Công chào Tổ dân phố 3	Hết đường (nhà ông Nguyễn Phúc Kiều)	1.30
33	Khu dân cư còn lại nội Thị			1.30
34	Khu dân cư Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 4 (trừ khu vực đã có)			1.30
35	Các trục ngang thông ra đường Quang trung, đường Phan Bội Châu, Đường Vành đai thị trấn Km 0 đến Km 0+100			1.30
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN			
I	Xã Cư M'Ta			
1	Quốc lộ 26	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	1.20
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	1.20
II	Xã Krông Jing			
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	1.20
		Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	1.20
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	1.20
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	1.20
III	Xã Ea Pil			
		Km 76 + 650 (giáp ranh xã Krông Jing)	Hết ranh giới đất nhà ông Trí	1.20
		Hết ranh giới đất nhà ông Trí	Đến Km 78	1.20
		Hết hội trường thôn 1	Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất sửa đổi, bổ sung (Lần)
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 26	Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	1.20
		Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngu)	1.20
		Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngu)	Hết ranh giới đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	1.20
		Đầu ranh giới thửa đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	Km 84 (giáp ranh xã Ea Tý - Huyện Ea Kar)	1.20

II. Thay thế các nội dung tại Phụ lục XI Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện M'Đrắk, kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, gồm:

I. Đất ở đô thị:				
1. Số thứ tự (STT) từ 01 đến 35, thị trấn M'Đrắk				
II. Đất ở nông thôn				
1. Số thứ tự (STT) 1 Mục II xã Cư M'Ta				
I Xã Cư M'Ta				
1	Quốc lộ 26	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	1.00
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	1.00
2. Số thứ tự (STT) 1 Mục III xã Krông Jing.				
II Xã Krông Jing				
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBND KHGD)	1.00
		Km 66 + 500 (hết đất UBND KHGD)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	1.00
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	1.00
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	1.00
3. Số thứ tự (STT) 1 Mục IV xã Ea Pil.				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 04/TTr-SNgV ngày 23/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia (sau đây gọi chung là công tác đối ngoại); các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến công tác

đổi ngoại của tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Sở Ngoại vụ và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác đổi ngoại tại tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực đổi ngoại cho Sở Ngoại vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ.

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đổi ngoại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác đổi ngoại ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác đổi ngoại địa phương sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Về công tác hợp tác và hội nhập quốc tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác hợp tác, hội nhập quốc tế của tỉnh phù hợp với chủ trương, đường lối đổi ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hợp tác và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, các đề án thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác của tỉnh với các đối tác nước ngoài, báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định.

c) Là cơ quan đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan lãnh sự danh dự nước ngoài, các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế liên chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đại diện nước ngoài), các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác tại Việt Nam.

5. Về công tác ngoại giao kinh tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác ngoại giao kinh tế, xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hoạt động đổi ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Làm đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại

diện nước ngoài tại Việt Nam trong việc quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ về xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức kinh tế của tỉnh ở nước ngoài.

6. Về công tác ngoại giao văn hóa:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác ngoại giao văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược ngoại giao văn hóa trong từng thời kỳ.

b) Làm đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác trong việc triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa tại tỉnh, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của tỉnh ở nước ngoài.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác xây dựng, đệ trình Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận các loại hình danh hiệu văn hóa thế giới cũng như việc bảo tồn và phát huy giá trị của các loại hình danh hiệu này.

7. Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác người Việt Nam ở nước ngoài, chủ trì tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch và chương trình đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại tỉnh.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; vận động, hướng dẫn và hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ trong làm việc, đầu tư kinh doanh, sinh sống và học tập tại tỉnh.

c) Hằng năm, định kỳ phối hợp với Công an tỉnh, Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh tổng kết, thống kê số lượng người Việt Nam ở nước ngoài của tỉnh, đánh giá và đề xuất kiến nghị giải quyết các vấn đề liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ tại tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định.

8. Về công tác lãnh sự và bảo hộ công dân:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh của người thuộc diện được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Xử lý các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân của tỉnh ở nước ngoài và trong công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại tỉnh.

c) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự tại tỉnh khi được Bộ Ngoại giao ủy quyền; tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xác minh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC

(thẻ ABTC).

d) Phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc tập hợp, tiếp nhận mẫu con dấu, mẫu chữ ký và chức danh của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh và cơ quan, tổ chức Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh để làm thủ tục chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự.

đ) Là cơ quan đầu mối trong việc trao đổi với cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để giải quyết các vụ việc lãnh sự thông thường, ít phức tạp tại địa bàn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chính sách về hoạt động di cư ra nước ngoài của công dân tại tỉnh.

9. Về công tác biên giới lãnh thổ quốc gia:

a) Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác biên giới lãnh thổ quốc gia; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác biên giới lãnh thổ tại tỉnh theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và bộ, ngành liên quan.

b) Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Ngoại giao tình hình thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ quốc gia, các chương trình, đề án liên quan đến công tác quản lý biên giới, các vấn đề khác liên quan đến tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ về biên giới thuộc địa bàn tỉnh phụ trách.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ đường biên mốc giới theo đường biên giới đã phân giới cắm mốc và các khu vực biên giới chưa hoàn thành phân giới cắm mốc phù hợp với Hiệp ước và Nghị định thư phân giới cắm mốc trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia mà hai bên đã ký kết, đúng quy định pháp luật hiện hành, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

d) Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biên giới lãnh thổ quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra và quản lý các văn bản, tài liệu, bản đồ và hồ sơ về biên giới thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các cơ quan, đơn vị của tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về biên giới lãnh thổ.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Các kế hoạch hoặc dự án chi tiết thực hiện nhiệm vụ phân giới, cắm mốc đối với đoạn biên giới của tỉnh chưa hoàn thành xong việc phân giới, cắm mốc giữa Việt Nam và Campuchia.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra đường biên giới, hệ thống các cột mốc giới, các cồn bãi trên sông suối biên giới theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Việc xây dựng duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khôi phục mốc quốc giới, vật đánh dấu đường biên giới và các biện pháp khác để bảo vệ mốc quốc giới và vật đánh dấu đường biên giới khi cần thiết.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về biên phòng, đối ngoại biên phòng.

10. Về công tác lễ tân đối ngoại:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về lễ tân đối ngoại tại tỉnh.

b) Đề xuất, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy định về công tác lễ tân đối ngoại ở tỉnh; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về lễ tân đối ngoại của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

c) Tổ chức thực hiện công tác lễ tân đối ngoại, đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm làm việc với lãnh đạo tỉnh hoặc quá cảnh qua địa phận tỉnh; chủ trì công tác lễ tân và hậu cần cho các đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm và làm việc ở nước ngoài.

11. Về công tác thông tin đối ngoại:

a) Là cơ quan đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong triển khai chương trình, kế hoạch thông tin tuyên truyền đối ngoại của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cung cấp thông tin của tỉnh cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại; phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá địa phương ở nước ngoài.

c) Thống nhất quản lý phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng chương trình hoạt động, tổ chức việc tiếp và trả lời phỏng vấn của lãnh đạo tỉnh, cung cấp thông tin có định hướng; theo dõi và quản lý hoạt động của phóng viên nước ngoài theo quy định của pháp luật.

12. Về công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào:

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm và 06 tháng xây dựng và điều chỉnh kế hoạch đoàn ra, đoàn vào của lãnh đạo tỉnh trình cấp có thẩm quyền gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Định kỳ 06 tháng và năm chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và điều chỉnh kế hoạch đoàn ra, đoàn vào của các sở ban, ngành của tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các đoàn đi công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh (đoàn ra) và các đoàn quốc tế đến thăm làm việc tại tỉnh (đoàn vào).

d) Tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh; làm cơ quan đầu mối liên hệ với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ, hướng dẫn, quản lý các đoàn ra theo quy định; thẩm định các đề án đoàn ra, theo dõi, thống kê tổng hợp các đoàn ra thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, đề án đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh; thẩm định đề xuất, kiến nghị của các sở, ban, ngành địa phương về việc lãnh đạo tỉnh tiếp khách nước ngoài; thống kê tổng hợp các đoàn vào thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Về công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cho ý kiến và quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức trên địa bàn tỉnh do người có thẩm quyền khác cho phép.

b) Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung và tham mưu việc cấp phép các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

c) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đình chỉ việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị cơ quan của người có thẩm quyền khác xem xét đình chỉ việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh hoặc xử lý theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm cho Bộ Ngoại giao về tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương.

14. Về công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế tại địa phương theo pháp luật về thỏa thuận quốc tế.

b) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết; báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về những vấn đề phát sinh trong ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế tại địa phương.

15. Về công tác phi chính phủ nước ngoài:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh; cho ý

kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy đăng ký và các hoạt động khác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các dự án tài trợ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức và nhân viên làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh; báo cáo Bộ Ngoại giao và Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định.

b) Quản lý các hoạt động quan hệ hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh; xây dựng chương trình, kế hoạch và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các chương trình, dự án và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, bảo đảm yêu cầu về chính trị đối ngoại.

d) Tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại địa phương trong trường hợp được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

đ) Là cơ quan thường trực Ban công tác phi chính phủ nước ngoài của tỉnh (đối với địa phương có Ban công tác phi chính phủ nước ngoài).

16. Về công tác thanh tra ngoại giao:

Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Sở thực hiện các quy định chung của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định.

17. Về công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại:

a) Đề xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại cho cán bộ, công chức của tỉnh.

b) Là cơ quan đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan triển khai các chương trình bồi dưỡng về đối ngoại và hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức địa phương.

18. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo quy định.

19. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động đối ngoại; phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đối ngoại địa phương toàn quốc.

20. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công

tác của các đơn vị thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi đua - khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/5/2022.

Bãi bỏ Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng